TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2024/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Tuyên.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 289/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 11 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 154/2024/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Neáng Ú, sinh năm 1993. Thường trú: Tổ 5, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Số B, đường X, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ: số E, xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967. Địa chỉ: số G, đường số A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 01/3/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Văn T – chức vụ: Tổ trưởng Tổ Quản lý thu – sổ, thẻ bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy uỷ quyền số 219/UQ-BHXH ngày 19/11/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Neàng Sóc T1, sinh năm 1996. Thường trú: ấp S, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số G, đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc lao động bà Neáng Ú trình bày:

Từ 6/2013 đến tháng 10/2013 bà Neáng Ú có làm việc tại Công ty TNHH H và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7913114011, sau đó từ tháng 7/2015 đến tháng 4/2021 bà Neáng Ú có làm việc tại Công ty Cổ phần Đ. Nay bà Neáng Ú tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Neáng Ú bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do bà Neàng Sóc T1 là em họ của bà Neáng Ú giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ khoảng từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015. Đồng thời, trong thời gian đó bà Neáng Ú có làm việc tại Công ty TNHH H từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2013. Do đó, bà Neáng Ú bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 tương đương với thời gian bà Neàng Sóc T1 mượn hồ sơ lao động của bà Neáng Ú.

Bà Neáng Ú nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà Neáng Ú khởi kiện ra Tòa án yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Neàng Sóc T1 và Công ty Cổ phần Đ theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Vào thời điểm năm 2013, bà Neàng Sóc T1 chưa đủ tuổi để đủ điều kiện ứng tuyển lao động. Bà Neáng Ú và bà Neàng Sóc T1 là chị em họ của nhau nên mới hỗ trợ bà Neàng Sóc T1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động.

Nay bà Neáng Ú đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết như sau: Tuyên hợp đồng lao động từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 giữa bà Neáng Ú với Công ty Cổ phần Đ vô hiệu.

- Ông Dương Văn T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Neáng Ú sinh năm 1993, số căn cước công dân 089193020717, với mã số bảo hiểm xã hội 7413081083 từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 và từ tháng 7/2015 đến tháng 4/2021 tại Công ty Cổ phần Đ chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra, bà Neáng Ú còn có mã số 7913114011 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2013 tại Công ty TNHH H.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Neáng Ú và Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị

định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Neáng Ú, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Neáng Ú, Bảo hiểm xã hội không có ý kiến.

- Bà Neàng Sóc T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Neàng Sóc T1 là em họ của của bà Neáng Ú, bà T1 có sử dụng thông tin của bà Neáng Ú để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ khoảng từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015. Đồng thời gian đó, bà Neáng Ú giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2013 thì bà Neáng Ú nghỉ việc.

Do đó, bà Neáng Ú bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2013 tương đương với thời gian bà T1 mượn hồ sơ lao động của bà Neáng Ú.

Vào thời điểm năm 2013, bà T1 không đủ hồ sơ nên không đù điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà T1 và bà Neáng Ú là hàng xóm thân thiết với nhau nên bà Neáng Ú mới cho bà T1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Do đó, nay bà Neàng Sóc T1 đề nghị quý Tòa án giải quyết như sau: Tuyên hợp đồng lao động của bà Neáng Ú và Công ty Cổ phần Đ (thời gian làm việc từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015) vô hiệu.

- Ông Nguyễn Hữu M là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày:

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định. Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty Cổ phần Đ thì vào tháng 01/2013, Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Neáng Ú, sinh ngày 08/3/1993; thường trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (số chứng minh nhân dân: 352136157 do Công an tỉnh A cấp ngày 23/6/2008). Bà Ú làm việc với vai trò là công nhân. Thời gian làm việc của bà Neáng Ú theo như quy định của nội quy lao động Công ty.

Đến tháng 4/2015, bà Ú nghỉ việc tại Công ty và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà Ú. Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Neáng Út, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc đã hơn 09 năm nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của bà Ú, chỉ còn dữ liệu trên máy tính. Nay, người lao động cho rằng có sự việc bà Neáng Ú cho em họ là bà N Sóc Tiên sử dụng thông tin của bà Ú để ký kết hợp đồng lao động với Công ty.

Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Ú để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà Ú yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neáng Ú (do người khác giả mạo) với Công ty Cổ phần Đ thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà Ú.

Đối với các chế độ của bà Ú sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà Ú vì vậy Công ty Cổ phần Đ không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:

Về tố tụng: Việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên họp đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Neáng Ú về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng Ú với Công ty Cổ phần Đ thời gian làm việc từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 bị vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Neáng Ú, bà Neàng Sóc T1, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, Công ty Cổ phần Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Bà Neáng Ú và bà Neàng Sóc T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 là bà T1 chứ không phải bà Ú. Do khi đó bà T1 chưa đủ điều kiện ứng tuyển lao động, bà Ú cho bà T1 mượn thông tin và giấy tờ tùy thân của bà Ú để tham gia lao động và ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ. Trình bày của bà Ú và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2013 bà Ú có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại tại Công ty TNHH H.

[2.2] Xét thấy, việc bà Neàng Sóc T1 sử dụng chứng minh nhân dân của bà Neáng Ú để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Neáng Ú yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao

động giao kết giữa bà Neáng Ú (do bà Neàng Sóc T1 mượn tên) với Công ty Cổ phần Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Neáng Ú có bị trùng. Do đó, bà Ú yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Neáng Ú với Công ty Cổ phần Đ thời gian làm việc từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[6] Về lệ phí: Bà Neáng Ú phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Neáng Ú.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng Ú với Công ty Cổ phần Đ, thời gian làm việc từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2015 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Neáng Ú phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001889 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Văn Tuyên